

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 31-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Phương

Bà Chu Mai Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Dương Thị T (tên gọi khác L), sinh ngày 01 tháng 5 năm 1982 tại Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã C, Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa 04/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quốc Đ và bà Đinh Thị N; có chồng Đào Nam T, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính, không bị kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 24/01/2019 đến ngày 30/01/2019 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lưu Văn B, sinh năm 1956, có mặt.
2. Bà Lương Thị S, sinh năm 1956, có mặt.
3. Bà Lương Thị N, sinh năm 1942, có mặt.
4. Chị Lưu Thị L, sinh năm 1986, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 23/10/2018, Dương Thị T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lưu Văn T, tài sản bao gồm số tiền là 40.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K có giá trị 24.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 64.500.000 đồng (sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số: 876/C09(P4) ngày 20/02/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, loại nhẫn tròn trơn, bên trong có khắc chữ ‘T 24K 1C’ gửi giám định có khối lượng 3,75 gam là vàng (Au) hàm lượng Au: 99,96%; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng nối với nhau bởi các mắt xích gửi giám định có khối lượng 18,74 gam là vàng (Au); hàm lượng trung bình Au: 99,95%; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có gắn 01 (một) viên đá màu xanh, mặt trong nhẫn có dòng chữ ‘2KDL’ gửi giám định có tổng khối lượng 8,11 gam (tính cả đá) là vàng (Au); có hàm lượng Au: 99,95%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn kết luận giá trị tài sản bị thiệt hại: 01 dây chuyền bằng vàng 24K có trọng lượng 05 chỉ có giá trị 17.500.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng 24K, có trọng lượng 01 chỉ có giá trị 3.500.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng 24K, có trọng lượng 02 chỉ có giá trị 7.000.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị 28.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 27/CT-VKSLB, ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Dương Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Cụ thể: Khoảng đầu tháng 10 năm 2018 Lưu Văn T kết bạn qua mạng xã hội Zalo với Dương Thị T. Dương Thị T giới thiệu tên là Nguyễn Thị T sinh năm 1985, chưa lập gia đình. Ngày 19/10/2018 Lưu Văn T đi về nhà Dương Thị T để thăm gia đình. Dương Thị T đã có chồng và ba đứa con do hai vợ chồng ly thân đã lâu nên khi Lưu Văn T đến nhà thì không gặp chồng của Dương Thị T, Dương Thị T nói với Lưu Văn T 03 đứa con của mình là con của anh trai, ngày 20/10/2018 Lưu Văn T đã đến tiệm vàng S tại Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc mua một chiếc nhẫn vàng ta loại 01 (một) chỉ tặng Dương Thị T ngày 20/10. Ngày 21/10/2018 Dương Thị T về nhà Lưu Văn T chơi và giới thiệu với gia đình tên là Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, chưa có chồng. Giữa Dương Thị T và Lưu Văn T nảy sinh tình cảm và muốn cưới Dương Thị T làm vợ, được bố mẹ đồng ý cho kết hôn. Lưu Văn T nói cho Dương Thị T biết mình đã tiết kiệm được một khoản tiền và một số vàng để cưới vợ. Khi nghe Lưu Văn T nói vậy, Dương Thị T nãy lòng tham, có ý định chiếm đoạt số tài sản của Lưu Văn T. Để đạt mục đích chiếm đoạt tài sản Lưu Văn T, Dương Thị T đã

nói dối thông tin cá nhân của mình để bố mẹ Lưu Văn T đi xem ngày cưới. Sau khi bố mẹ Lưu Văn T đi xem ngày cưới thông báo sẽ cưới vào tháng 11 năm 2018 âm lịch và thống nhất Lưu Văn T sẽ chuẩn bị 40.000.000 đồng và 01 dây chuyền vàng ta loại 05 chỉ, 01 lắc tay vàng ta loại 02 chỉ để chuẩn bị cho đám cưới. Dương Thị T biết bản thân đang có chồng không thể đăng ký kết hôn được, nhưng để Lưu Văn T không nghi ngờ, sáng ngày 22/10/2018 Dương Thị T vẫn đi cùng Lưu Văn T đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để đăng ký kết hôn, Dương Thị T lấy có quên chứng minh nhân dân nên không đăng ký kết hôn được. Sau đó, Lưu Văn T đưa Dương Thị T đến tiệm vàng T tại khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để đổi 07 chỉ vàng ta thành 01 dây chuyền vàng ta 05 chỉ, 01 lắc tay vàng ta 02 chỉ kiểu dáng do Dương Thị T lựa chọn và đưa cho Dương Thị T cầm và quay về nhà nấu cơm ăn trưa. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày bà Lương Thị S đưa cho Lưu Văn T số tiền 40.000.000 đồng, Lưu Văn T đưa toàn bộ số tiền cho Dương Thị T cầm để về Vĩnh Phúc chuẩn bị đám cưới. Dương Thị T và Lưu Văn T bắt xe khách xuống bến xe M, Hà Nội trên đường đi Dương Thị T nghĩ cách để chiếm đoạt được tiền và vàng của Lưu Văn T, để thực hiện được mục đích Dương Thị T đã mượn điện thoại của Lưu Văn T mục đích nhằm xóa số điện thoại trong danh bạ và chặn số liên lạc của Dương Thị T để Lưu Văn T không liên lạc được. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày đến bến xe M, Dương Thị T đưa cho Lưu Văn T 200.000 đồng để Lưu Văn T đi mua nước uống cho Dương Thị T. Sau khi Lưu Văn T đi mua nước, Dương Thị T bỏ trốn về Vĩnh Phúc chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng và 07 chỉ vàng ta của Lưu Văn T. Ngày 23/10/2018 Dương Thị T đến tiệm vàng S ở Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc để đổi chiếc lắc tay vàng ta 02 chỉ thành một chiếc nhẫn vàng ta 02 chỉ rồi cất giữ cùng 05 chỉ vàng còn lại ở nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Dương Thị T từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, cụ thể: Bị cáo phải trả cho anh Lưu Văn T số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Lưu Văn T tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay trình bày: Ngày 23/10/2018, bị cáo Dương Thị T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh 07 chỉ vàng và 40.000.000 đồng. Nay bị cáo đã trả cho anh 07 chỉ vàng và 10.000.000 đồng, anh yêu cầu bị cáo còn phải bồi thường cho anh số tiền 30.000.000 đồng, đề nghị xử lý hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Lưu Văn B, bà Lương Thị S, bà Lương Thị N, chị Lưu Thị L qua các lời trình bày có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay thể

hiện: Ngày 23/10/2018, bị cáo Dương Thị T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lưu Văn T số tiền 40.000.000 đồng và 07 chỉ vàng ta.

Lời nói sau cùng của bị cáo Dương Thị T: Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo xin lỗi gia đình và bị hại, bị cáo xin được hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đi làm để nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản tạm giữ tài liệu đồ vật, Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; do đó có căn cứ xác định: Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên Dương Thị T đã nảy sinh ý định lấy tài sản của anh Lưu Văn T. Ngày 23/10/2018, Dương Thị T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lưu Văn T, tài sản bao gồm 40.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K có giá trị 24.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 64.500.000 đồng (sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Dương Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về quyền tài sản của người khác, mà quyền này được pháp luật bảo vệ.

[4] Bị cáo nhận thức được hành vi của mình gây ra là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản đem đi bán lấy tiền phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân. Điều đó gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trên địa bàn huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo trả cho bị hại tài sản 07 chỉ vàng và 10.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo đã trả số tiền 34.500.000 đồng cho bị hại, bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh tháng 5/2018, hiện nay bị cáo đang mang thai đứa con thứ 4, chồng bị cáo đã bỏ nhà đi từ năm 2017 hiện nay không biết ở đâu, bị cáo là lao động chính trực tiếp nuôi dạy 03 con. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ (Biên bản xác minh ngày 05/3/2019) và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Các con bị cáo còn nhỏ, bản thân bị cáo đang là lao động chính trong nhà, thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị này là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã trả lại cho bị hại số tiền là 10.000.000 và toàn bộ số vàng 07 chỉ, nay bị hại anh Lưu Văn T yêu cầu bị cáo phải trả tiếp số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt. Bị cáo Dương Thị T cũng nhất trí bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại. Xét thấy thỏa thuận này là phù hợp với các quy định của pháp luật, thể hiện sự tự nguyện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với 01 chiếc nhẫn vàng ta 01 (một) chỉ trị giá 3.500.000 đồng do Lưu Văn T mua tặng bị cáo ngày 20/10, bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, ngày 28/3/2019 đã trả cho bị hại, Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[11] Bị cáo Dương Thị T bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; tại phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, cụ thể bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam nên bị cáo phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự là 1.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 48, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 274, khoản 5 Điều 275, khoản 2 Điều 468, các Điều 357, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Hình phạt: Phạt bị cáo Dương Thị T 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 31/5/2019.

Giao bị cáo Dương Thị T cho Ủy ban nhân dân xã C, Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, cụ thể: Bị cáo Dương Thị T phải có trách nhiệm trả cho anh Lưu Văn T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) tiền Ngân hàng Việt Nam.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Bị cáo Dương Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự. Tổng cộng là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn năm trăm đồng) tiền Ngân hàng Việt Nam để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Phương

Chu Mai Hương

Lương Thị Lan

